

ĐỀ ÔN TẬP HÈ (ĐỀ 2)

Môn: Toán 5

I. TRẮC NGHIỆM (Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

Câu 1. Số $\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 7,0 B. 0,7 C. 0,07 D. 0,007

Câu 2. Số lớn nhất trong các số: 4,693; 4,963; 4,396; 4,936 là:

- A. 4,693 B. 4,963 C. 4,396 D. 4,936

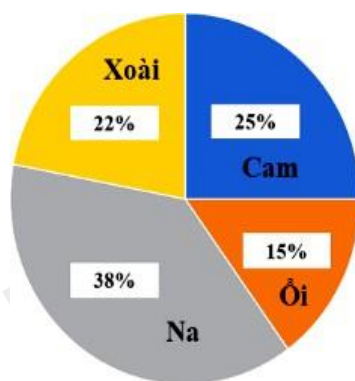
Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 6 giờ 15 phút = giờ là:

- A. 375 B. 6,5 C. 6,25 D. 6,2

Câu 4. Kết quả của phép tính $45,8 : 100$ là

- A. 4 580 B. 4,58 C. 0,458 D. 458

Câu 5. Biểu đồ biểu thị 1 800 cây trồng trong vườn nhà bác Sơn.



Số cây ổi trong vườn nhà bác Sơn là:

- A. 270 cây B. 396 cây C. 450 cây D. 250 cây

Câu 6. Một người đi xe đạp đi được quãng đường 18 km trong 1,5 giờ. Vận tốc của người đi xe đạp đó là:

- A. 12 km/giờ B. 27 km/giờ C. 1,2 km/giờ D. 18 km/giờ

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$10,69 + 5,409$$

$$94,1 - 28,55$$

$$9,78 \times 0,6$$

$$302,4 : 1,2$$

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện

$$34,8 + 18,4 + 25,2 + 21,6$$

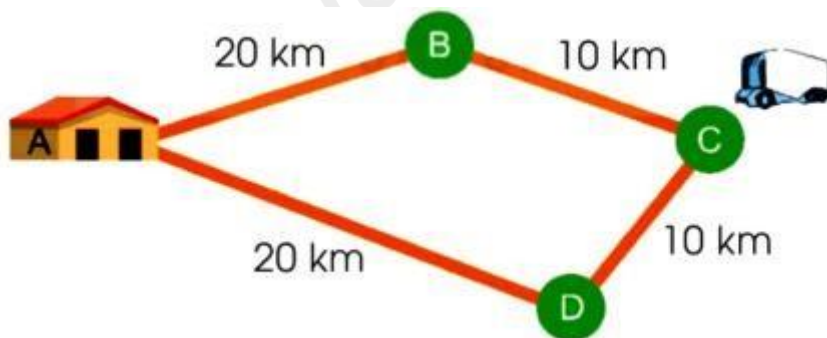
$$28,6 \times 5,8 + 71,4 \times 5,8$$

Câu 3. Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước đo ở trong lòng bể là chiều dài 5 m, chiều rộng 4 m, chiều cao 2 m. 60% thể tích của bể đang chứa nước. Hỏi:

a) Thể tích bể nước là bao nhiêu mét khối?

b) Trong bể đang có bao nhiêu lít nước?

Câu 4. Một chiếc xe tải đi giao hàng từ nhà kho A qua các điểm giao hàng B, C và D rồi quay lại nhà kho A (như hình vẽ). Biết vận tốc của xe trên đường đi là 45 km/h và tại mỗi điểm giao hàng xe dừng lại đúng 15 phút. Tính tổng thời gian đi và giao hàng của xe.



HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Số $\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 7,0 B. 0,7 C. 0,07 D. 0,007

Phương pháp

Áp dụng cách viết $\frac{1}{100} = 0,01$

Lời giải

Số $\frac{7}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là 0,07

Đáp án: C

Câu 2. Số lớn nhất trong các số: 4,693; 4,963; 4,396; 4,936 là:

- A. 4,693 B. 4,963 C. 4,396 D. 4,936

Phương pháp

So sánh các số để tìm số lớn nhất.

Lời giải

Số lớn nhất trong các số đã cho là 4,963

Đáp án: B

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm 6 giờ 15 phút = giờ là:

- A. 375 B. 6,5 C. 6,25 D. 6,2

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 phút = $\frac{1}{60}$ giờ

Lời giải

6 giờ 15 phút = $6\frac{15}{60}$ giờ = $6\frac{1}{4}$ giờ = 6,25 giờ

Đáp án: C

Câu 4. Kết quả của phép tính $45,8 : 100$ là

- A. 4 580 B. 4,58 C. 0,458 D. 458

Phương pháp

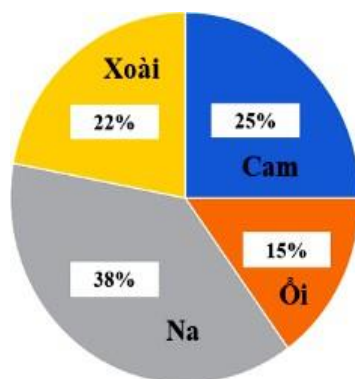
Muốn chia một số thập phân cho 10; 100; 1 000; ... ta chuyển dấu phẩy của số đó lần lượt sang bên trái một, hai, ba, ... chữ số.

Lời giải

$45,8 : 100 = 0,458$

Đáp án: C

Câu 5. Biểu đồ biểu thị 1 800 cây trồng trong vườn nhà bác Sơn.



Số cây ổi trong vườn nhà bác Sơn là:

- A. 270 cây B. 396 cây C. 450 cây D. 250 cây

Phương pháp

Số cây ổi = tổng số cây trong vườn : 100 x số phần trăm cây ổi

Lời giải

Số cây ổi trong vườn nhà bác Sơn là: $1\ 800 : 100 \times 15 = 270$ (cây)

Đáp án: A

Câu 6. Một người đi xe đạp đi được quãng đường 18 km trong 1,5 giờ. Vận tốc của người đi xe đạp đó là:

- A. 12 km/giờ B. 27 km/giờ C. 1,2 km/giờ D. 18 km/giờ

Phương pháp

Vận tốc = quãng đường : thời gian

Lời giải

Vận tốc của người đi xe đạp đó là: $18 : 1,5 = 12$ (km/giờ)

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính

$$10,69 + 5,409$$

$$94,1 - 28,55$$

$$9,78 \times 0,6$$

$$302,4 : 1,2$$

Phương pháp

Đặt tính rồi tính theo các quy tắc đã học

Lời giải

$$\begin{array}{r} 10,69 \\ + 5,409 \\ \hline 16,099 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 94,1 \\ - 28,55 \\ \hline 65,55 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 9,78 \\ \times 0,6 \\ \hline 5,868 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} 302,4 & 1,2 \\ 62 & 252 \\ \hline 24 & \\ 0 & \end{array}$$

Câu 2. Tính bằng cách thuận tiện

$$34,8 + 18,4 + 25,2 + 21,6$$

$$28,6 \times 5,8 + 71,4 \times 5,8$$

Phương pháp

- Áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp để nhóm các số có tổng là số tự nhiên
- Áp dụng công thức: $a \times b + a \times c = a \times (b + c)$

Lời giải

$$34,8 + 18,4 + 25,2 + 21,6 = (34,8 + 25,2) + (18,4 + 21,6)$$

$$= 60 + 40$$

$$= 100$$

$$28,6 \times 5,8 + 71,4 \times 5,8 = 5,8 \times (28,6 + 71,4)$$

$$= 5,8 \times 100$$

$$= 580$$

Câu 3. Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có kích thước đo ở trong lòng bể là chiều dài 5 m, chiều rộng 4 m, chiều cao 2 m. 60% thể tích của bể đang chứa nước. Hỏi:

- Thể tích bể nước là bao nhiêu mét khối?
- Trong bể đang có bao nhiêu lít nước?

Phương pháp

- Thể tích bể nước = chiều dài x chiều rộng x chiều cao
- Thể tích nước đang có = Thể tích bể nước x 60%

Lời giải

- Thể tích bể nước là:

$$5 \times 4 \times 2 = 40 \text{ (m}^3\text{)}$$

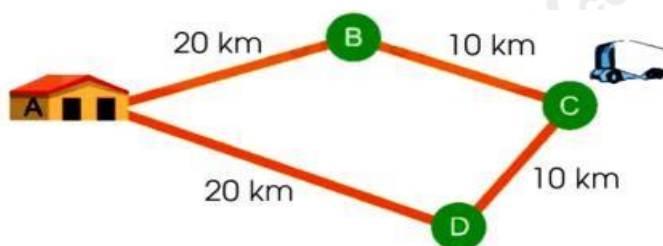
- Trong bể đang có số lít nước là:

$$40 \times 60 : 100 = 24 \text{ (m}^3\text{)} = 24\,000 \text{ dm}^3 = 24\,000 \text{ lít}$$

Đáp số: a) 40 m³

b) 24 000 lít

Câu 4. Một chiếc xe tải đi giao hàng từ nhà kho A qua các điểm giao hàng B, C và D rồi quay lại nhà kho A (như hình vẽ). Biết vận tốc của xe trên đường đi là 45 km/h và tại mỗi điểm giao hàng xe dừng lại đúng 15 phút. Tính tổng thời gian đi và giao hàng của xe.



Phương pháp

Bước 1. Tìm quãng đường xe đi từ nhà kho A qua các điểm giao hàng B, C và D rồi quay lại nhà kho

Bước 2. Thời gian đi = quãng đường : vận tốc

Bước 3. Tìm thời gian xe dừng lại giao hàng = Thời gian giao hàng ở mỗi điểm x 3

Bước 4. Tổng thời gian đi và giao hàng của xe = Thời gian đi + thời gian xe dừng lại giao hàng

Lời giải

Quãng đường xe đi từ nhà kho A qua các điểm giao hàng B, C và D rồi quay lại nhà kho là:

$$20 + 10 + 10 + 20 = 60 \text{ (km)}$$

Thời gian xe đi là:

$$60 : 45 = \frac{4}{3} \text{ (giờ)} = 1 \text{ giờ } 20 \text{ phút}$$

Thời gian xe dừng lại giao hàng là:

$$15 \times 3 = 45 \text{ (phút)}$$

Tổng thời gian đi và giao hàng của xe là:

$$1 \text{ giờ } 20 \text{ phút} + 45 \text{ phút} = 2 \text{ giờ } 5 \text{ phút}$$

Đáp số: 2 giờ 5 phút